

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003
của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng
lưới trường học Ngành giáo dục và Đào tạo Thành phố đến năm 2020**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN THỨ NHẤT

**Kết quả triển khai thực hiện công tác quy hoạch chi tiết phát triển mạng lưới
trường học quận Phú Nhuận (2003- 2020)**

Thực hiện Công văn số 3100/KH-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch tổng kết việc thực hiện Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo Thành phố đến năm 2020, Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN :

1. Đặc điểm tình hình:

Phú Nhuận là quận nội thành nằm ở phía Tây Bắc, cách trung tâm thành phố 4,7km. Phía Đông giáp quận Bình Thạnh, phía Tây giáp quận Tân Bình, phía Nam giáp Quận 1, quận 3 và phía Bắc giáp quận Gò Vấp; với diện tích khoảng 4,86 km²; dân số quận có 163.961 người, được chia thành 15 phường với tên gọi theo thứ tự từ phường 1 đến phường 17 (Không có phường 6 và phường 16). Hệ thống mạng lưới trường lớp trên địa bàn quận không ngừng phát triển, được tập trung đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp, xây mới khang trang hơn đáp ứng nhu cầu học tập cho học sinh trên địa bàn, hiện có 60 cơ sở mầm non (15 công lập và 45 ngoài công lập), 14 trường tiểu học (12 công lập và 02 ngoài công lập); 11 trường Trung học cơ sở (6 công lập và 5 ngoài công lập); Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên, các phường đều có trường Mầm non Công lập và một số trường, nhóm lớp ngoài công lập.

2. Cơ sở pháp lý:

- Quyết định 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020 (viết tắt là Quyết định số 02/2003);

- Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết địa điểm trường học trên địa bàn quận Phú Nhuận đến năm 2020;

- Công văn số 954/UBND ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận về rà soát, điều chỉnh danh mục dự án sử dụng nguồn vốn Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho quận Phú Nhuận quản lý giai đoạn 2016 – 2020.

3. Quy mô trường lớp, học sinh năm 2003; 2010; 2015; 2019:

3.1. Năm học 2003-2004:

TT	Ngành học, bậc học	Năm học 2003-2004					Không có số liệu cụ thể của Dân lập – tư thực
		Trường	Phòng học	Giáo viên	Lớp	Học sinh	
	Tổng cộng:	41	701	1.370	772	27.609	
	<i>Trong đó</i>						
1	Mầm non	18	236	424	215	4.888	
2	Tiểu học	12	226	363	276	10.462	
3	Trung học cơ sở	8	169	386	189	8.542	
4	Trung học phổ thông	2	62	172	82	3.259	
5	Trung tâm GDTX	1	8	25	10	458	

3.2. Năm học 2009-2010:

TT	Ngành học, bậc học	Năm học 2009-2010					Không có số liệu cụ thể của Dân lập – tư thực
		Trường	Phòng học	Giáo viên	Lớp	Học sinh	
	Tổng cộng:	51	789	1.378	771	27.341	
	<i>Trong đó</i>						
1	Mầm non	26	280	443	215	5.514	
2	Tiểu học	13	251	338	272	10.032	
3	Trung học cơ sở	9	170	374	181	7.303	
4	Trung học phổ thông	2	76	185	88	3.981	
5	Trung tâm GDTX	1	12	38	15	511	

3.3. Năm học 2014-2015:

TT	Ngành học,	Năm học 2014-2015				Không có số liệu cụ thể
----	------------	-------------------	--	--	--	-------------------------

	bậc học						của Dân lập – tư thực
		Trường	Phòng học	Giáo viên	Lớp	Học sinh	
	Tổng cộng:	58	986	1.499	1.021	31.182	
	<i>Trong đó</i>						
1	Mầm non	30	361	546	361	7.406	
2	Tiểu học	14	302	408	309	10.596	
3	Trung học cơ sở	11	230	313	243	8.482	
4	Trung học phổ thông	2	81	191	92	4.074	
5	Trung tâm GDTX	1	12	41	16	624	

3.4. Năm học 2019-2020:

TT	Ngành học, bậc học	Năm học 2019-2020					Ghi chú
		Trường	Phòng học	Giáo viên	Lớp	Học sinh	
	Tổng cộng:	72	1.087	2.166	1.073	31.852	
	<i>Trong đó</i>						
1	Mầm non	42	330	578	323	6.284	
	Công lập	15	152	305	141	3.587	
	Ngoài công lập	27	178	273	182	2.697	
2	Tiểu học	12	280	415	288	10.223	
	Công lập	12	280	415	288	10.223	
	Ngoài công lập						
3	Trung học cơ sở	7	199	366	192	7.197	
	Công lập	6	187	323	183	6.968	
	Ngoài công lập	1	12	43	9	229	DL Hồng Hà
4	Trung học phổ thông	4	105	269	114	4.598	
	Công lập	2	83	212	94	4.082	
	Ngoài công lập	2	22	80	20	516	Trường Hưng Đạo, Quốc Tế Việt Úc (Sở GDĐT)
5	Trường Liên Cấp TH-THCS-THPT	6	142	490	139	2.977	
6	Trung tâm GDTX	1	31	48	17	573	

Trong đó: trường liên cấp gồm: Trường TH-THCS-THPT Việt Úc; Trường TH-THCS-THPT Quốc Tế; Trường THCS-THPT Việt Anh; Trường THCS-THPT Quang Trung-Nguyễn Huệ; Trường THCS-THPT Đức Trí; Trường THCS-THPT Đăng Khoa.

Nhận xét:

- Về số lượng trường học: Hiện có 72 trường Mầm non (*nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, trường mẫu giáo, trường mầm non*), Tiểu học, THCS, THPT công lập và ngoài công lập, tăng 31 trường so với năm học 2003 - 2004 (*tỷ lệ tăng 43,6%*), tăng 21 trường so với năm học 2009 - 2010 (*tỷ lệ tăng 29,5%*) và tăng 14 trường so với năm học 2014 - 2015 (*tỷ lệ tăng 19,7 %*).

- Về số học sinh: Năm học 2019 – 2020 có 31.852 học sinh, tăng 3.946 học sinh so với năm học 2003 - 2004 (*tỷ lệ tăng 12,3%*), tăng 4.511 học sinh so với năm học 2009 – 2010 (*tỷ lệ tăng 14,1 %*) và tăng 670 học sinh so với năm học 2014 – 2015 (*tỷ lệ tăng 2,1%*).

- Về số phòng học: Năm học 2019 – 2020 có 1087 phòng học, tăng 386 phòng học so với năm học 2003 - 2004 (*tỷ lệ tăng 35,5%*), tăng 298 phòng học so với năm học 2009 -2010 (*tỷ lệ tăng 27,4%*) và tăng 101 phòng học so với năm học 2014 - 2015 (*tỷ lệ tăng 9,2%*).

- Về đội ngũ giáo viên: Năm học 2019 – 2020 có 2.166 giáo viên, tăng 796 giáo viên so với năm học 2003 – 2004 (*tỷ lệ tăng 36,7 %*), tăng 788 giáo viên so với năm học 2009 – 2010 (*tỷ lệ tăng 36,3%*), tăng 613 giáo viên so với năm học 2014 – 2015 (*tỷ lệ tăng 28,3%*).

4. Kết quả đạt được:

a) Năm 2003:

STT	Quận, Huyện	Chỉ tiêu đất giáo dục đến năm 2020 theo QĐ 02/2003/QĐ-UB ngày 03/01/2003 của Thành phố.	Tổng cộng đất giáo dục hiện hữu	Chỉ tiêu đất giáo dục			
				Đất giáo dục thuộc quy hoạch			Đất giáo dục ngoài quy hoạch
				Tổng cộng	công lập	Ngoài công lập	Ngoài công lập
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	TỔNG CỘNG:	21,35	9,95	9,95	9,95		
1	Mầm non	3,21	3,21	3,21	3,21		
2	Tiểu học	7,3	2,17	2,17	2,17		
3	Trung học cơ sở	5,7	2,18	2,18	2,18		
4	Trung học phổ thông	5,08	2,39	2,39	2,39		

b) Năm 2010:

STT	Quận, Huyện	Chỉ tiêu đất giáo dục đến năm 2020 theo QĐ 02/2003/QĐ-UB ngày 03/01/2003 của Thành phố.	Đất giáo dục phê duyệt đến năm 2020 của Quận, Huyện.	Tổng cộng đất giáo dục hiện hữu	Chỉ tiêu đất giáo dục			
					Đất giáo dục thuộc quy hoạch			Đất giáo dục ngoài qui hoạch
					Tổng cộng	công lập	Ngoài công lập	Ngoài công lập
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	TỔNG CỘNG:	21,35	14,30	12,4	12,82	12,82		
1	Mầm non	3,21	3.90	2,46	3,09	3,09		
2	Tiểu học	7,3	4.56	4,17	4,06	4,06		
3	Trung học cơ sở	5,7	3.49	3,39	3,5	3,5		
4	Trung học phổ thông	5,08	2.35	2,37	2,17	2,17		

c) Năm 2015:

STT	Quận, Huyện	Chỉ tiêu đất giáo dục đến năm 2020 theo QĐ 02/2003/QĐ-UB ngày 03/01/2003 của Thành phố.	Đất giáo dục phê duyệt đến năm 2020 của Quận, Huyện.	Tổng cộng đất giáo dục hiện hữu	Chỉ tiêu đất giáo dục			
					Đất giáo dục thuộc quy hoạch			Đất giáo dục ngoài qui hoạch
					Tổng cộng	công lập	Ngoài công lập	Ngoài công lập
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
	TỔNG CỘNG:	21,35	14,30	14,61	13,92	13,92		
1	Mầm non	3,21	3.90	3,78	3,23	3,23		
2	Tiểu học	7,3	4.56	4,62	4,35	4,35		
3	Trung học cơ sở	5,7	3.49	3,84	3,86	3,86		
		5,08	2.35	2,37	2,48	2,48		

d) Năm 2019:

ST T	Quận, Huyện	Chỉ tiêu đất giáo dục đến năm 2020 theo QĐ 02/2003/QĐ-UB ngày	Đất giáo dục phê duyệt đến năm 2020 của Quận, Huyện.	Tổng cộng đất giáo dục hiện hữu	Chỉ tiêu đất giáo dục				Diện tích đất còn thiếu so với Quyết định 02/2003 /QĐ-UB.	Tỷ lệ % đất giáo dục đạt được của quận, huyện so với QĐ 02 của Thành phố
					Đất giáo dục thuộc quy hoạch			Đất giáo dục ngoài qui hoạch		
					Tổng cộng	công lập	Ngoài công	Ngoài công		

							lập	lập		
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(%)
	TỔNG CỘNG:	21,35	14,30	14,3	14,30	14,30		3,23	Thiếu 7,42	65,2%
1	Mầm non	3,21	3.90	3,78	3.90	3.90		1,45	+ 0,69	121%
2	Tiểu học	7,3	4.56	4,62	4.56	4.56		1,86	Thiếu 2,91	60%
3	Trung học cơ sở	5,7	3.49	3,84	3.49	3.49			Thiếu 2,43	57,4%
4	Trung học phổ thông	5,08	2.35	2,34	2.35	2.35			Thiếu 2,73	46,3%

4.1. Nhận xét:

a) Theo Quyết định 02/2003 của Thành phố giao chỉ tiêu đất giáo dục cho quận Phú Nhuận là 21,35 ha, nhưng sau khi rà soát, căn cứ vào hiện trạng diện tích đất thực tế của ngành giáo dục, quỹ đất còn lại và dân số trong độ tuổi đi học thì Ủy Ban nhân dân quận đã ban hành Quyết định số 397/QĐ-UBND năm 2007 về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết địa điểm trường học trên địa bàn quận thì chỉ có 14,3 ha. Đến nay diện tích đất hiện hữu dành cho giáo dục là 14,3 ha (mầm non 3,78 ha, tiểu học 4,62 ha, THCS 3,84 ha, THPT 2.34 ha) đạt 100 % so với chỉ tiêu đến 2020 so với quy hoạch. Quận Phú Nhuận đã cơ bản hoàn thành quy hoạch mạng lưới trường lớp trên địa bàn chỉ còn một số dự án xin xây mới đang chờ Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Về chỉ tiêu đất đạt được qua các năm:

- Năm học 2003 - 2004: diện tích đất hiện hữu được quy hoạch là 9,95 ha (đạt 46,6% so với chỉ tiêu của Thành phố và đạt 69,6% so với chỉ tiêu của quận)

- Năm 2009 - 2010: diện tích đất hiện hữu được sử dụng là 12,4 ha (đạt 58% so với chỉ tiêu của Thành phố và đạt 86,71% so với chỉ tiêu của quận)

- Năm 2015 - 2016: diện tích đất hiện hữu sử dụng là 14,61 ha (đạt 68,43% so với chỉ tiêu của Thành phố và đạt 102,16% so với chỉ tiêu của quận)

- Năm học 2019 - 2020: diện tích đất hiện hữu sử dụng là 14,3 ha (đạt 66,97% so với chỉ tiêu của Thành phố và đạt 100% so với chỉ tiêu của quận)

4.2. Đánh giá:

a) Ưu điểm:

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Quận ủy trong thời gian qua Ủy ban nhân dân quận đã tập trung triển khai theo Đồ án quy hoạch chi tiết địa điểm trường học trên địa bàn quận. Tổ chức rà soát, hoán đổi các vị trí mặt bằng để đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp, xây dựng mới 26 trường học với 417 phòng học mới tổng kinh phí 815.714.000.000 đồng, quỹ đất dành cho giáo dục, tăng từ 9,95 ha lên 14,3 ha (đạt 100% so với chỉ tiêu Quận giao đến 2020 là 14,3 ha); mạng lưới trường lớp đáp ứng nhu cầu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đến nay đã có 15 trường đạt chuẩn quốc gia và 25 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

b) Tồn tại, khó khăn và bất cập:

Do quỹ đất quận còn nhỏ hẹp nên dẫn đến khó khăn để sắp xếp xây dựng một trường học theo tiêu chuẩn tiên tiến, hiện đại. Dự án xây dựng trường THCS Cầu Kiệu (tại khu dân cư Rạch Miễu) chậm so với tiến độ.

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TRƯỜNG LỚP TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN.

1. Công tác đầu tư xây dựng công trình trường học giai đoạn 2003-2020:
(Ước tính đến thời điểm 31/12/2020).

1.1. Số dự án công lập:

Đơn vị tính: Dự án.

STT	Năm	Tổng cộng	Trong đó					
			MN	TH	THCS	THPT	GDTX	Khác (Trường BDGD, Chuyên biệt...)
1	2003							
2	2004	1		1				
3	2005	1		1				
4	2006							
5	2007	1		1		1		
6	2008							
7	2009	4	2	2				
8	2010	2	2					
9	2011	2	1	1				
10	2012	2	1		1			
11	2013	1		1				
12	2014	1			1			
13	2015							
14	2016	2	2					
15	2017	7	4	3				
16	2018							
17	2019							
18	2020	2			1		1	
	TỔNG CỘNG:	26	12	10	3	1	1	

1.2. Số phòng xây mới công lập:

Đơn vị tính: Phòng xây mới.

STT	Năm	Tổng cộng	Trong đó					
			MN	TH	THCS	THPT	GDTX	Khác (Trường BDGD, Chuyên biệt...)
1	2003							
2	2004	8	8					
3	2005	52		52				
4	2006							
5	2007	57	10			47		
6	2008							

STT	Năm	Tổng cộng	Trong đó					
			MN	TH	THCS	THPT	GDTX	Khác (Trường BDGD, Chuyên biệt...)
7	2009	32	15	11	6			
8	2010							
9	2011	6	6					
10	2012	79		59	20			
11	2013	9	9					
12	2014	43			43			
13	2015							
14	2016	22	22					
15	2017	40	26	14				
16	2018							
17	2019							
18	2020	69			30		39	
	TỔNG CỘNG:	417	96	136	99	47	39	

1.3. Kinh phí đã thực hiện:

Đơn vị tính: đồng.

STT	Năm	Tổng kinh phí	Trong đó nguồn:			
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách Quận, Huyện	Kích Cầu	Xã hội hóa
1	2003	5.497		5.497		
2	2004	3.673		3.673		
3	2005	24.260	24.260			
4	2006					
5	2007	32.630	29.825	2.805		
6	2008					
7	2009	22.648	19.397	3.251		
8	2010					
9	2011					
10	2012	111.851	111.851			
11	2013	23.663	23.663			
12	2014	108.053	108.053			
13	2015					
14	2016	79.236	75.704	3.532		
15	2017	218.471	209.431	9.040		
16	2018	10.484		10.484		
17	2019	9.502		9.502		
18	2020	165.746	163.946	1.800		
	TỔNG CỘNG:	815.714	766.130	49.584		

1.4. Danh mục các công trình xây dựng trường học hoàn thành trong giai đoạn 2003-2020:

ĐVT: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	THỜI GIAN KC-HT	NĂNG LỰC THIẾT KẾ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	LOẠI DỰ ÁN	NGUỒN VỐN
Giai đoạn 2003-2010								
1	Xây dựng mới MN Sơn Ca 11	Ban QLĐT XDCT Q.PN	13-15 Trần Hữu Trang - P.11	2008-2009	Gồm 1 trệt, 3 lầu, sân thượng. Tổng DTXD 2.145m ²	9.002	Xây dựng mới	NSTP
2	Xây dựng mới khối lớp học trường TH Lê Đình Chinh	Ban QLĐT XDCT Q.PN	73/1 Hoàng Văn Thụ - P.15	2008-2009	Gồm 1 trệt, 3 lầu. Tổng DTXD 629m ²	2.723	Xây dựng mở rộng	NSQ
3	Xây dựng 6 phòng học trường THCS Ngô Tất Tố	Ban QLĐT XDCT Q.PN	15Bis Đặng Văn Ngữ - P.10	2008-2009	Tổng DTXD 776m ²	2.765	Xây dựng mở rộng	NSQ
4	Xây dựng trường MN Sơn Ca 15	Ban QLĐT XDCT Q.PN	23 Trần Khắc Chân - P.15	2008-2009	Gồm 1 trệt, 2 lầu, sân thượng. Tổng DTXD 3.316m ²	7.630	Xây dựng mở rộng	NSQ
5	Xây dựng mới khối nhà ăn, phòng chức năng trường TH Phạm Ngọc Thạch	Ban QLĐT XDCT Q.PN	175 Đặng Văn Ngữ - P.14	2008-2009	Gồm 1 trệt, 1 lầu. Tổng DTXD 656m ²	2.798	Xây dựng mở rộng	NSQ
6	Xây dựng mới khối nhà ăn, phòng học trường TH Hồ Văn Huê	Ban QLĐT XDCT Q.PN	9 Hoàng Minh Giám - P.9	2008-2009	Gồm 1 trệt, 1 lầu. Tổng DTXD 355m ²	1.582	Xây dựng mở rộng	NSQ
7	Xây dựng mới các phòng chức năng trường TH Cổ Loa	Ban QLĐT XDCT Q.PN	6A Lê Tự Tài - P.4	2008-2009	Gồm 1 trệt, 3 lầu. Tổng DTXD 251m ²	1.148	Xây dựng mở rộng	NSQ
8	Xây dựng mới trường MN Sơn Ca 14	Ban QLĐT XDCT Q.PN	235 Lê Văn Sỹ - P.14	2010-2011	Gồm 6 phòng học, các phòng chức năng và khối phụ trợ	13.883	Xây dựng mới	NSQ
9	Xây dựng trường THPT Phú Nhuận	Ban QLĐT XDCT Q.PN	9 Hoàng Minh Giám - P.9	2006-2007	Gồm 45 phòng học, các phòng chức năng và khối phụ trợ	29.825	Xây dựng mới	NSTP
10	Xây dựng mới trường MN Sơn Ca 17	Ban QLĐT XDCT Q.PN	105 Nguyễn Văn Trỗi - P.17	2006-2007	Gồm 1 trệt, 3 lầu	1.943	Xây dựng mới	NSQ

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	THỜI GIAN KC-HT	NĂNG LỰC THIẾT KẾ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	LOẠI DỰ ÁN	NGUỒN VỐN
11	Xây dựng mới trường MN Sơn Ca 12	Ban QLĐT XDCT Q.PN	28 Trần Cao Vân - P.12	2006-2007	Gồm 1 trệt, 3 lầu, mái BTCT. Tổng DTXD 1.346m ²	4862	Xây dựng mới	NSQ
12	Trường Tiểu học Đông Ba	Ban QLĐT XDCT Q.PN	99 Phan Đăng Lưu - P.7	2004-2005	Gồm 22 phòng học, các phòng chức năng và khối phụ trợ	6.796	Xây dựng mới	NSTP
13	Trường Tiểu học Hồ Văn Huê	Ban QLĐT XDCT Q.PN	424 Hoàng Hoa Thám - P.9	2004-2005	Gồm 30 phòng học, các phòng chức năng và khối phụ trợ	8.257	Xây dựng mới	NSTP
14	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chính	Ban QLĐT XDCT Q.PN	93-95 Nguyễn Văn Trỗi - P.12	2004-2005	Xây dựng 14 phòng học và khối công trình phục vụ, tổng DTXD 5.344,09m ²	9.207	Xây dựng mở rộng	NSTP
15	Xây dựng mới trường MN Sơn Ca 10	Ban QLĐT XDCT Q.PN	66 Trương Quốc Dung - P.10	2003-2004	Gồm 14 phòng học, các phòng chức năng và khối phụ trợ	3.673	Xây dựng mới	NSQ

Giai đoạn 2010-2015

1	Xây dựng mở rộng và sửa chữa nâng cấp trường tiểu học Cao Bá Quát	Ban QLĐT XDCT quận Phú Nhuận	Số 92 Phan Đăng Lưu, Phường 5	2009-2012	Sửa chữa cải tạo nâng cấp liên hoàn với khối xây dựng mới. Khối xây dựng mới: là khối phụ trợ và phòng ăn	61.922	Mở rộng	NSTP
2	Trung tâm Giáo dục học đường	Ban QLĐT XDCT quận Phú Nhuận	Số 18A Hoàng Diệu, Phường 10	2009-2012	Là công trình thể thao tổng hợp phục vụ cho thi đấu và luyện tập theo chương trình giáo dục thể thao học đường	24.938	Xây mới	NSTP
3	Trường TH Đặng Văn Ngữ	Ban QLĐT XDCT quận Phú Nhuận	Số 35 Đặng Văn Ngữ - Phường 10	2009-2012	20 phòng học, các phòng chức năng và khối phụ trợ	49.929	Xây mới	NSTP
4	Xây dựng mới phân hiệu 2 trường THCS Ngô Tất Tố	Ban QLĐT XDCT quận Phú Nhuận	Số 14 Lê Quý Đôn - Phường 12	2012-2014	20 phòng học, các phòng chức năng, khối phụ trợ	49.953	Xây mới	NSTP

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	THỜI GIAN KC-HT	NĂNG LỰC THIẾT KẾ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	LOẠI DỰ ÁN	NGUỒN VỐN
5	Xây dựng mới phân hiệu 2 trường MN Sơn Ca 1	Ban QLĐTXDC T. quận Phú Nhuận	Số 270/1 Phan Đình Phùng, Phường 1	2011-2013	09 phòng học, các phòng chức năng và khối phụ trợ	23.663	Xây mới	NSTP
6	Xây dựng mới trường TH Sông Lô	Ban QLĐTXDC T. quận Phú Nhuận	Số 37 Phan Xích Long, Phường 3	2012-2014	21 phòng học, các phòng chức năng và khối phụ trợ	49.600	Xây thay thế	NSTP
7	Sửa chữa cải tạo, mở rộng trường Đông Ba	Ban QLĐTXDC T. quận Phú Nhuận	01 Cẩm Bá Thước – Phường 7	2013-2014	Gồm 01 trệt, 02 lầu, mái tole. Tổng diện tích sàn sửa chữa 1.191m ² (thêm 04 phòng học)	8.500	Mở rộng	NSTP
8	Xây dựng mới trường THCS Trần Huy Liệu	Ban QLĐTXDC T. quận Phú Nhuận	Số 89 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4	2014-2016	30 phòng học, các phòng chức năng và khối phụ trợ	81.600	Xây mới	NSTP
9	Xây dựng trường MN Sơn Ca liên phường 13-14	Ban QLĐTXDC T. quận Phú Nhuận	181 Lê Văn Sỹ - P.14	2015-2017	12 phòng học và các phòng chức năng	42.917	Xây thay thế	NSTP
10	Xây dựng trường MN Sơn Ca 1 (phân hiệu 1)	Ban QLĐTXDC T. quận Phú Nhuận	190A Nguyễn Trọng Tuyển	2015-2017	10 nhóm trẻ và các phòng chức năng	32.787	Xây thay thế	NSTP
Giai đoạn 2016 – 2020								
1	Xây dựng trường MN Sơn Ca 10	Ban QLĐTXDC T. quận Phú Nhuận	66 Trương Quốc Dung	2016-2018	Gồm 10 nhóm lớp và các phòng chức năng, cải tạo khối lớp học cũ đảm bảo thông thoáng	43.591	XTT	NSTP
2	Xây dựng trường MN Sơn Ca 2	Ban QLĐTXDC T. quận Phú Nhuận	66 Phan Xích Long, P.2	2018-2020	06 nhóm lớp và khối phục vụ	27.021	XTT	NSTP
3	Xây dựng phân hiệu 2 trường Mầm non Sơn Ca 15 (trẻ dưới 18 tháng tuổi)	Ban QLĐTXDC T. quận Phú Nhuận	38/6B Nguyễn Văn Trỗi, P. 15	2018-2020	5 nhóm lớp, các phòng chức năng và khối phục vụ	22.337	XDM	NSTP

STT	TÊN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	THỜI GIAN KC-HT	NĂNG LỰC THIẾT KẾ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	LOẠI DỰ ÁN	NGUỒN VỐN
4	Xây dựng phân hiệu 2 trường Mầm non Sơn Ca 11	Ban QLĐT-XDC T. quận Phú Nhuận	17 Trần Hữu Trang - P.11	2018-2020	05 nhóm lớp và khối phục vụ	22.874	XTT	NSTP
5	Nâng cấp mở rộng trường tiểu học Hồ Văn Huê	Ban QLĐT-XDC T. quận Phú Nhuận	9 Hoàng Minh Giám, P. 9	2018-2020	20 nhóm lớp và khối phục vụ	44.500	MR	NSTP
6	Xây dựng mở rộng khối lớp học trường TH Cổ Loa	Ban QLĐT-XDC T. quận Phú Nhuận	L6A Cư Xá Nguyễn Đình Chiểu, P.4	2017-2019	Sửa chữa – cải tạo khối lớp học	13.764	SC	NSTP
7	Xây dựng mới trường tiểu học Vạn Tường	Ban QLĐT-XDC T. quận Phú Nhuận	15 Hồ Biểu Chánh, P.12	2018-2020	14 phòng học và khối phục vụ	35.344	XTT	NSTP
8	Xây dựng trường Trung học cơ sở Cầu Kiệu	Ban QLĐT-XDC T. quận Phú Nhuận	Đường Hoa Sữa, khu dân cư Rạch Miễu, Phường 7	2019-2022	30 phòng học và khối phục vụ	72.000	XDM	NSTP
9	Xây dựng trung tâm dạy nghề quận Phú Nhuận	Ban QLĐT-XDC T. quận Phú Nhuận	133 Hồng Hà - P.9	2019-2022	20 phòng học lý thuyết; 19 phòng thực hành các nghề; 05 phòng làm việc; 01 thư viện và 02 hội trường lớn có sức chứa 200 chỗ/phòng	92.000	XDM	NSTP

2. Tiến độ thực hiện chỉ tiêu đến năm 2020 đạt 300 phòng học/10.000 dân số, trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015-2020:

***Bảng số liệu về dân số trong độ tuổi đi học (3-18 tuổi).**

Tổng số dân số trong độ tuổi đi học (3-18 tuổi) (ĐVT: người)	Chia ra:			
	Độ tuổi từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi	Độ tuổi từ 6 tuổi đến dưới 11 tuổi	Độ tuổi từ 11 tuổi đến dưới 15 tuổi	Độ tuổi từ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi
35.141	5.366	9.698	12.814	7.263

Ghi chú: Dân số trong độ tuổi tính theo công thức năm 2019 - năm sinh.

* Bảng số liệu về phòng học trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận:

STT	Phòng học	Số phòng học			Ghi chú
		Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	
1	Các cơ sở giáo dục mầm non (nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, trường mẫu giáo, trường mầm non)	324	146	178	
2	Trường Tiểu học	310	280	30	
3	Trường Trung học cơ sở	249	187	62	
4	Trường Trung học phổ thông	167	83	84	
5	Trường có yếu tố nước ngoài				
6	Trường giáo dục chuyên biệt	6	6		
7	Trung tâm hỗ trợ phát triển cho trẻ học hòa nhập				
8	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên	31	31		
9	Trường trung cấp, cao đẳng có nhận học sinh độ tuổi đi học				
	TỔNG CỘNG:	1.087	733	353	

* Ghi chú: tính số phòng học (10.000 dân số/độ tuổi): Tổng số phòng học/Tổng số dân số độ tuổi x10.000.

Theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X đến năm 2020 đạt 300 phòng học/10.000 dân số trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi), đến nay quận có 1.087 phòng học kiên cố (đạt 309,41 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học).

3. Danh mục các công trình xây dựng trường học dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 1/2020 đến tháng 9/2020: KHÔNG CÓ

PHẦN THỨ HAI

Định hướng công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường học tại quận Phú Nhuận giai đoạn 2020 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045

A. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ MỤC TIÊU TỔNG QUÁT:

1. Định hướng phát triển:

- Thực hiện nâng cao hiệu quả hoạt động, phát triển giáo dục đáp ứng yêu cầu hội nhập. Tạo cơ sở để đề xuất những giải pháp cơ bản phát triển căn bản và toàn diện giáo dục của một số cơ sở giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, xã

hội hóa và hội nhập quốc tế, góp phần thúc đẩy học tập suốt đời, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Đẩy mạnh phát triển giáo dục thông minh giúp cho hoạt động dạy và học diễn ra mọi lúc, mọi nơi, giúp cho người học có thể cá nhân hóa và hoàn toàn chủ động quyết định nội dung, phương thức học tập theo nhu cầu của bản thân. Thay đổi phương pháp giảng dạy tiêu chuẩn để tương tác với học sinh được tốt hơn, hiệu quả hơn.

- Tiếp tục có các giải pháp sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các trường đã xuống cấp, điều chỉnh phân tuyến học sinh đầu cấp cho hợp lý nhằm không gây khó khăn cho phụ huynh đưa trẻ đến trường cũng như giảm tải các trường lớn và bổ sung cho các trường nhỏ. Tiếp tục đào tạo bồi dưỡng nâng ngạch cho đội ngũ giáo viên chưa đạt chuẩn, đề xuất các các phương án nâng chất lượng cuộc sống cho đội ngũ giáo viên yên tâm công tác.

2. Mục tiêu tổng quát:

- Xây dựng quận Phú Nhuận là quận học tập, đẩy mạnh phát triển Đề án giáo dục thông minh và học tập suốt đời để chuẩn bị mọi mặt cho nguồn nhân lực chất lượng cao đón đầu sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế nói chung cũng như giáo dục nói riêng của quận.

- Tiếp tục đầu tư kinh phí để nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ dạy và học nhằm chuẩn bị đầu vào lớp 2 và 6 trong chương trình giáo dục phổ thông mới trong năm học 2021-2022, xây dựng thư viện điện tử, tập trung đầu tư cho các trường học tiên tiến hiện đại của mỗi bậc học.

- Đào tạo đội ngũ học sinh năng động, có năng lực sáng tạo, năng lực ngoại ngữ và tin học, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

B. QUY MÔ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2030:

Ngành học, bậc học	Năm học 2021-2022				Năm học 2029-2030			
	Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó		
		Công lập	Ngoài công lập	Nhóm trẻ gia đình		Công lập	Ngoài công lập	Nhóm trẻ gia đình
1. TRƯỜNG:								
+Mầm non	60	15	29	16	68	15	33	20
+Tiểu học	12	12			12	12		
+Trung học cơ sở	6	6			6	6		
+Trung học phổ thông	3	2	1		3	2	1	
+ Trường Liên cấp 1+2+3	2		2		2		2	
+Trường Liên cấp 2+3	5		5		5		5	
+Trung tâm GDNN-GDTX	1	1			1	1		

+Trường Chuyên biệt	1	1			1	1		
+Trường Bồi dưỡng Giáo dục	1	1			1	1		
2. SỐ LỚP:								
+Mầm non	330	145	145	40	370	160	160	50
+Tiểu học	334	295	39		360	315	50	
+Trung học cơ sở	230	185	45		245	190	55	
+Trung học phổ thông	170	95	75		198	98	100	
+Trung tâm GDNN-GDTX	16	16			20	20		
+Trường Chuyên biệt	6	6			6	6		
+Trường Bồi dưỡng Giáo dục								
3. SỐ HỌC SINH:								
+Mầm non	6.500	3.700	2.500	300	7.400	4.100	3.000	300
+Tiểu học	11.000	10.600	400		12.000	11.000	1.000	
+Trung học cơ sở	8.000	7.000	1.000		9.100	7.400	1.700	
+Trung học phổ thông	5.900	4.000	1.900		6.400	4.300	2.100	
+Trung tâm GDNN-GDTX	650	650			800	800		
+Trường Chuyên biệt	120	120			110	110		
+Trường Bồi dưỡng Giáo dục								
4. SỐ GIÁO VIÊN:								
+Mầm non	600	315	200	85	680	350	230	105
+Tiểu học	530	420	110		670	490	180	
+Trung học cơ sở	460	230	230		590	290	300	
+Trung học phổ thông	275							
+Trung tâm GDNN-GDTX	48	48			55	55		
+Trường Chuyên biệt	10	10			10	10		
+Trường Bồi dưỡng Giáo dục	4	4			4	4		
5. SỐ PHÒNG HỌC:								
+Mầm non	334	154	145	35	370	160	160	50
+Tiểu học	329	290	39		360	315	50	
+Trung học cơ sở	251	189	62		245	190	55	
+Trung học phổ thông	167	83	84		198	98	100	
+Trung tâm GDNN-GDTX	31	31			40	40		
+Trường Chuyên biệt	6	6			6	6		
+Trường Bồi dưỡng Giáo dục	18	18						

C. CHỈ TIÊU ĐỊNH HƯỚNG:

1. Chỉ tiêu quỹ đất dành cho phát triển giáo dục và đào tạo quận Phú Nhuận giai đoạn 2020-2030:

Ngành học bậc học	Tổng cộng				Ghi chú
	Chỉ tiêu đến năm 2020 Theo QĐ 02/2003/QĐ-UB (ha)	Chỉ tiêu đến năm 2020 do quận, huyện phê duyệt (ha)	Đất hiện có (ha)	Yêu cầu quỹ đất dành cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo đến năm 2030 (ha)	
Tổng cộng	21,35	14,30	14,3	Chưa được duyệt	
Trong đó					
+Mầm non	3,21	3.90	3,78		
+Tiểu học	7,3	4.56	4,62		
+Trung học cơ sở	5,7	3.49	3,84		
+Trung học phổ thông	5,08	2.35	2,34		

Lưu ý: Quỹ đất dành cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo đến năm 2030 chưa được thông qua.

2. Nhu cầu số phòng học mới giai đoạn 2020-2030:

Nghị Quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ quận Phú Nhuận nhiệm kỳ 2020 – 2025 thực hiện xây dựng mới 3 trường: Trường MNSC 3, MNSC 9, Trường Tiểu học Trung Nhất và tiếp tục dự kiến xin chủ trương xây mới gồm các trường sau: Trường Chuyên biệt Niềm tin, TH Lê Đình Chinh, TH Phạm Ngọc Thạch, THCS Độc Lập, THCS Châu Văn Liêm.

Dvt : Phòng học.

Ngành học bậc học	Năm học 2020-2021	Dự kiến Năm học 2029- 2030	Nhu cầu tăng thêm	Ghi chú
Tổng cộng:	1122	1.219	65	
Trong đó				
+Mầm non	324	355	31	Chủ yếu tăng dân lập
+Tiểu học	327	345	18	Chủ yếu tăng dân lập
+Trung học cơ sở	249	261	12	Chủ yếu tăng dân lập
+Trung học phổ thông	167	181	14	Chủ yếu tăng dân lập
+ Chuyên biệt Niềm tin	6	6	0	
+ Trung tâm GDNN-GDTX	31	40	0	
+ Trường Bồi Dưỡng Giáo dục	18			

3. Nhu cầu kinh phí :

Ngành học bậc học	Năm học 2020-2021	Dự kiến Năm học 2029-2030	Nhu cầu tăng thêm
Tổng cộng:	175.000.000.000		
Trong đó			
+Mầm non	23.000.000.000		
+Tiểu học			
+Trung học cơ sở	61.000.000.000		
+Trung học phổ thông			
+Trung tâm GDNN- GDTX	91.000.000.000		

PHẦN THỨ BA

I. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không có

Trên đây là Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2003-2020 và định hướng công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường học quận Phú Nhuận giai đoạn 2020-2030 và tầm nhìn 2045./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GDĐT;
- TT/QU (BT, PBT/TT)
- PCT/HĐND quận
- UBND quận (CT, PCT/VX);
- P.GDĐT, P.QLĐT, P.TCKH ;
- Ban QLDAĐT XD KVVQP;
- VP/HĐND và UBND (CVP, PCVP) ;
- Lưu VT, P.GDĐT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Kiều Nhi

